

Số: /GM-BVĐK

Quảng Trị, ngày tháng 12 năm 2025

GIẤY MỜI

Về việc báo giá vật tư y tế dùng trong lĩnh vực ngoại khoa năm 2026-2027 (24 tháng) của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở xây dựng giá dự toán, giá kế hoạch mua sắm gói thầu vật tư y tế dùng trong lĩnh vực ngoại khoa năm 2026-2027 (24 tháng) với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ: 266 Hùng Vương, Phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Nguyễn Thị Thảo, số điện thoại: 0915 493 468
- Email: nguyenthithaobvdk1@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận trực tiếp qua đường công văn, nhà thầu gửi **02 bản** theo địa chỉ: Nguyễn Thị Thảo, Khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, 266 Hùng Vương, Phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; đồng thời gửi kèm file báo giá bản pdf và excel về địa chỉ email: nguyenthithaobvdk1@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá

- Từ ngày 10 tháng 12 năm 2025 đến trước 16h ngày 20 tháng 12 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa: phụ lục I.

Tuỳ chọn mua thêm tối đa là: 30% theo số lượng từng mặt hàng

2. Mẫu bảng báo giá: theo phụ lục II

3. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2025.

4. Địa điểm giao hàng: Tầng 1- Khu nhà G - Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.

5. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 5-7 ngày sau khi nhận được dự trù.

6. Cam kết Công ty

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

7. Các yêu cầu khác

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật theo giấy mời báo giá (nếu có).

Đề nghị các đơn vị/nhà cung cấp quan tâm có đủ năng lực, kinh nghiệm chào giá hàng hóa theo yêu cầu nêu trên.

Thư mời báo giá được đăng tải trên website của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị (<https://quangtrihospital.vn/>) và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn/>). *Imm*

Nơi nhận:

- Các nhà cung cấp;
- Ban Giám đốc;
- P. TCKT;
- Lưu: VT, KD, 01.

GIÁM ĐỐC

Phan Xuân Nam

Phụ lục I

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ DÙNG TRONG LĨNH VỰC NGOẠI KHOA NĂM 2026-2027 (24 THÁNG)

(Kèm theo Giấy mời số: /GM-BVĐK ngày tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
1	Bộ nẹp vít cố định cột sống lưng- Thắt lưng, dùng trong mổ gãy, trượt cột sống lưng, thắt lưng	Bộ		
1.1	Vít cột sống đa trục	Cái	Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đầu vít: Đa trục, Sử dụng được loại rod 5.5mm hoặc 6.0mm - Thân vít : Đường kính trong khoảng từ 4.5- 8.5mm, chiều dài trong khoảng 20mm-150mm Đạt tiêu chuẩn: FDA.	1.430
1.2	Ốc khóa trong cho vít cột sống ngực lưng	Cái	Chất liệu: Hợp kim Titanium Kích thước: Đường kính ≥8.5mm, cao ≥4.5mm Đạt tiêu chuẩn: FDA	1.430
1.3	Nẹp dọc cột sống ngực lưng	Cái	Chất liệu: Hợp kim Titanium Thanh dọc có dạng tròn thẳng hoặc uốn sẵn, đường kính 5.5mm hoặc 6.0mm Đạt tiêu chuẩn: FDA	260
1.4	Nẹp nối ngang	Cái	Vật liệu: hợp kim Titanium. Đồng bộ với nẹp dọc cùng hãng phân phối	20
2	Bộ nẹp vít cố định cột sống lưng- Thắt lưng, dùng trong mổ gãy, trượt cột sống lưng, thắt lưng có lỗ bơm xi măng	Bộ		
2.1	Vít cột sống đa trục phủ bạc có lỗ bơm xi măng	Cái	Chất liệu: Hợp kim Titanium. Lòng vít rỗng nông Đường kính có các cỡ trong khoảng từ 5.5mm đến 8.0mm, chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 30mm đến 55mm. Thiết kế ren đôi, công nghệ bạc Nano kháng khuẩn.	80
2.2	Ốc khóa trong cho vít bơm xi măng	Cái	Đi kèm trong bộ	80
2.3	Nẹp dọc	Cái	Đi kèm trong bộ	25
2.4	Dụng cụ bơm xi măng	Cái	Đi kèm trong bộ	80
2.5	Xi măng kèm dung dịch pha	Gói	Đi kèm trong bộ	20
3	Bộ nẹp vít cố định cột sống lưng- Thắt lưng, dùng trong mổ gãy, trượt cột sống lưng, thắt lưng phủ bạc	Bộ		
3.1	Vít cột sống đa trục phủ bạc	Cái	Chất liệu: Hợp kim Titanium. Đường kính trong khoảng từ 4.5mm đến 8.0mm, chiều dài trong khoảng từ 30mm đến 55mm. Thiết kế ren đôi, công nghệ bạc Nano kháng khuẩn.	490
3.2	Ốc khóa trong phủ bạc	Cái	Chất liệu: Hợp kim Titanium. Công nghệ bạc Nano kháng khuẩn. Ốc có hình trụ tròn có 3 bước ren. Đầu ốc bên trong hình ngôi sao.	490
3.3	Nẹp dọc đốt sống lưng, thắt lưng lõi sau (Rod) phủ bạc	Cái	Đường kính 6.0mm, dài ≥ 500 mm. Sử dụng đồng bộ với vít cột sống và ốc khóa trong cùng hãng.	100
3.4	Miếng ghép đĩa đệm thắt lưng	Cái	Chất liệu: PEEK. Dạng cong, có điểm cân quang, có khoang để nhồi xương. Dài ≥ 28mm, cao trong khoảng từ 7 mm đến 13 mm.	30
3.5	Nẹp nối ngang	Cái	Đồng bộ với nẹp dọc.	10

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
4	Bộ cột sống loãng xương hai bước ren ngực lưng	Bộ		
4.1	Vít cột sống đa trục hai bước ren	Cái	- Đường kính trong khoảng từ 3.5mm-8.5mm - Chiều dài trong khoảng từ 20mm-45mm - Chiều cao mũ vít ≥ 14.0 mm Đạt tiêu chuẩn: FDA	110
4.2	Ốc khóa trong hai bước ren	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titanium Chiều cao sau khi bẻ vít ≥ 4.50 mm Đồng bộ với hệ thống vít đa trục đơn trục 2 bước ren và nẹp dọc đường kính 4.75mm hoặc 5.5mm Đạt tiêu chuẩn: FDA	110
4.3	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	Cái	Vật liệu: Hợp kim Cobalt Chrome hoặc Hợp kim Titanium - Đường kính 4.75mm hoặc 5.5mm, chiều dài 500mm, loại thẳng - Đồng bộ với vít đơn trục/ đa trục 2 bước ren và ốc khóa trong. Đạt tiêu chuẩn: FDA	35
5	Bộ nẹp vít cột sống qua da	Bộ		
5.1	Vít cột sống qua da đa trục	Cái	Vật liệu: hợp kim Titanium. Vít thiết kế rộng nông. Đường kính: 5.5mm, 6.5mm. Dài ≥ 30 mm. Đạt tiêu chuẩn: FDA	210
5.2	Ốc khóa trong qua da	Cái	Vật liệu: hợp kim Titanium. Có tính năng tự gãy. Chiều cao ban đầu của ốc khoá ≥ 9.5 mm. Chiều cao của phần ốc khóa sau khi bẻ vít trong khoảng từ 4.0-5.7mm Đạt tiêu chuẩn: FDA	210
5.3	Nẹp dọc uốn sẵn bắt qua da	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Uốn cong sẵn, đường kính ≤ 6.0 mm. Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 30mm đến 90mm. Đạt tiêu chuẩn: FDA	20
5.4	Nẹp dọc thẳng qua da cột sống ngực lưng	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Đường kính ≤ 6.0 mm. Loại thẳng. Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 70mm đến 120mm. Đạt tiêu chuẩn: FDA	40
6	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống lưng dạng cong	Cái	Vật liệu: PEEK Số điểm đánh dấu cân quang ≥ 2 điểm - Chiều dài trong khoảng từ 25 đến 30mm - Chiều cao trong khoảng từ 7 đến 15mm - Có khoang ghép xương. - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn: FDA * Xuất xứ các nước G7	130
7	Bộ miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ trước kèm vít	Bộ		
7.1	Miếng ghép đĩa đệm nghiêng liền nẹp cổ trước	Cái	Lỗ dành cho bắt vít ≥ 2 lỗ. Chiều cao có các cỡ trong khoảng từ 5mm đến 7mm. Độ nghiêng ≥ 6 độ. Đạt tiêu chuẩn: FDA	15
7.2	Vít cột sống cổ trước tự khoan	Cái	Vật liệu: hợp kim Titanium. Đường kính ≤ 4.2 mm. Chiều dài có các cỡ trong khoảng từ 12mm đến 20mm. Đạt tiêu chuẩn: FDA	30

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
8	Bộ nẹp vít cổ trước	Bộ		
8.1	Nẹp cổ trước 1 tầng	Cái	Vật liệu: hợp kim Titanium. Trên nẹp có khóa vít Đạt tiêu chuẩn: FDA	10
8.2	Nẹp cổ trước 2 tầng	Cái	Vật liệu: hợp kim Titanium. Dài $\geq 32\text{mm}$ Trên nẹp có khóa vít Đạt tiêu chuẩn: FDA	15
8.3	Nẹp cổ trước 3 tầng	Cái	Vật liệu: hợp kim Titanium. Dài $\geq 52\text{ mm}$ Trên nẹp có khóa vít Đạt tiêu chuẩn: FDA	15
8.4	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống cổ trước	Cái	Số điểm đánh dấu cân quang ≥ 3 điểm.	30
8.5	Vít cột sống cổ trước	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titanium Vít tự Taro Đường kính trong khoảng từ 3.5 mm - 4.5mm Đồng bộ với nẹp đốt sống cổ trước. Đạt tiêu chuẩn: FDA	250
9	Thân đốt sống nhân tạo	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Đường kính: $\geq 13\text{mm}$. Dài $\geq 10\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn: FDA	5
10	Bộ nẹp vít cổ sau + nẹp chằm cổ	Bộ		
10.1	Nẹp chằm cổ	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Chiều dài $\geq 200\text{mm}$. Uốn sẵn tại vùng chằm Đạt tiêu chuẩn: FDA	5
10.2	Vít chằm cổ	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Dài trong khoảng từ 6-16mm. Tương thích với nẹp chằm cổ cùng bộ Đạt tiêu chuẩn: FDA	20
10.3	Vít đa trục cột sống cổ sau	Cái	Vít tự taro Vật liệu: hợp kim Titanium Đường kính vít trong khoảng từ 3.5 - 4.5mm Chiều dài vít trong khoảng từ 8 mm đến 50 mm Đạt tiêu chuẩn: FDA	60
10.4	Ốc khóa trong cột sống cổ sau	Cái	Vật liệu: hợp kim Titanium Đồng bộ đa trục cổ sau và nẹp dọc Đạt tiêu chuẩn: FDA	60
10.5	Nẹp dọc cổ sau	Cái	Vật liệu: hợp kim Titanium Dài trong khoảng từ 40mm-240mm. Đường kính trong khoảng từ 3.2mm - 3.5mm. Đồng bộ với vít cột sống đa trục cổ sau, ốc khóa trong Đạt tiêu chuẩn: FDA	20
11	Xương nhân tạo dạng hạt	Gói	Dạng hạt - Thành phần tương tự xương người - Đạt tiêu chuẩn: FDA	25
12	Xương bảo quản	Gói	Thành phần hoá học: $\geq 15\%$ Hydroxyapatite và $\leq 85\%$ beta-Tricalcium Phosphate.	50
13	Bộ xi măng cột sống có bóng nong thân đốt sống	Bộ		

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
13.1	Kim chọc dò thân sống	Cái	Tạo đường vào qua cuống sống	80
13.2	Bộ bóng nong thân đốt sống	Bộ	Chịu áp lực tối đa ≥ 350 PSI. Có thể điều chỉnh cong tối đa ≥ 90 độ.	80
13.3	Xilanh bơm phồng bóng có đồng hồ đo áp lực	Cái	Đồng bộ với bóng nong thân sống	80
13.4	Dụng cụ khoan thân sống (khoan mở rộng không gian trong thân đốt sống)	Cái	Đường kính ≤ 4.2 mm	80
13.5	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha	Gói	Gồm: Bột xi măng + dung dịch pha (Dung môi)	80
13.6	Dụng cụ đẩy xi măng	Cái	Dung tích ≥ 1 ml	360
13.7	Kim chọc dò tạo đường vào cho bóng	Cái	Có độ cong ≥ 45 độ hoặc có khả năng uốn cong đầu tip ≥ 45 độ sau khi vào thân sống	80
14	Bộ bơm xi măng cột sống không bóng	Bộ		
14.1	Kim chọc dò cuống sống	Cái	Dạng vát	160
14.2	Bộ trộn, đẩy xi măng	Cái	Gồm 1 bộ trộn và 1 bộ đẩy xi măng Bộ trộn gồm tối thiểu: Bộ trộn, phễu xi măng, xi lanh Bộ đẩy: Súng hoặc bộ bơm có tay vận có ren, có thể tự dừng hoặc kiểm soát xi măng áp lực cao	80
14.3	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha	Cái	Bao gồm 2 thành phần: thành phần bột và thành phần dung dịch.	80
15	Bộ dẫn lưu não thất ổ bụng	Bộ		
15.1	Que luồn dưới da	Cái	Dùng để luồn tạo đường hầm. Đạt tiêu chuẩn: FDA	15
15.2	Dẫn lưu não thất-ổ bụng kèm khoang Delta	Bộ	Gồm tối thiểu có: Van, catheter não thất, catheter ổ bụng. Đạt tiêu chuẩn: FDA	15
16	Dẫn lưu thất lưng	Bộ	Có cathete thất lưng với khóa có thể điều chỉnh áp lực	10
17	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài kèm catheter dẫn lưu não thất	Bộ	Có tối thiểu các thành phần: Van dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài Kèm catheter não thất. Đạt tiêu chuẩn: FDA	150
18	Bộ nẹp vít vớ sọ	Bộ		
18.1	Miếng vớ sọ não	Cái	Miếng vớ sọ não kích thước ≥ 150 mm x 150mm Đạt tiêu chuẩn: FDA	30
18.2	Nẹp vớ sọ 6 lỗ	Cái	Nẹp 6 lỗ Đạt tiêu chuẩn: FDA	80
18.3	Nẹp vớ sọ 8 lỗ	Cái	Nẹp 8 lỗ Đạt tiêu chuẩn: FDA	70
18.4	Vít sọ não	Cái	Vít sọ não đường kính ≥ 1.5 mm Đồng bộ với nẹp vớ sọ và miếng vớ sọ não cùng hãng Đạt tiêu chuẩn: FDA	700

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
19	Miếng vá màng cứng các cỡ	Miếng	Miếng và bằng vật liệu nhân tạo, tự tiêu Hấp thu hết theo thời gian Kích thước rộng 2 bề mặt $\geq 35\text{cm}^2$	10
20	Kẹp mạch máu	Cái	Lực kẹp $\geq 150\text{gms}$ Có trợ cụ đi kèm Đạt tiêu chuẩn: CE hoặc FDA	10
21	Bộ phẫu thuật nội soi cột sống	Bộ		
21.1	Mũi mài xương kim cương dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 công	Cái	Mũi khoan kim cương. Đường kính $\geq 4.0\text{ mm}$.	50
21.2	Lưỡi cắt đốt	Cái	Công nghệ plasma. Hấp diệt trùng, sử dụng 1 lần.	50
21.3	Dây bơm nước trong phẫu thuật nội soi cột sống hai cổng	Cái	Hấp diệt trùng sử dụng 1 lần	50
22	Đĩa đệm lưng điều chỉnh độ cao	Cái	Chất liệu: Hợp kim Titanium Độ cao đĩa có thể điều chỉnh: từ 8-12mm, từ 10-14mm, từ 12-16mm Dụng cụ đặt có hiển thị độ cao, dễ quan sát Tương thích trợ cụ đặt đĩa cùng hãng. Đạt tiêu chuẩn: FDA	10
23	Nẹp nối ROD	Cái	Chất liệu: Hợp kim Titanium hoặc titanium Kích thước: - Cỡ trong khoảng từ 10- 26mm, Đạt tiêu chuẩn: FDA	10
24	Mảnh ghép hộp sọ	Miếng	Chất liệu: PEEK Kích thước: Trong khoảng 60 cm^2 đến 90 cm^2	5
25	Keo sinh học	Tuýp	- Chịu được áp lực hơn 1000mmHg - Xylanh hai nồng - Đạt độ bền chắc tối đa sau 2 phút Thể tích: $\geq 2\text{ml}$	15
26	Vật liệu cầm máu	Gói	- Thành phần: Là bột polysaccharide có nguồn gốc từ thực vật - Trọng lượng: $\geq 3\text{g}$ bột cầm máu kèm 1 vòi bơm - Dạng bột; có khả năng tự tiêu - Tương thích sinh học - Tốc độ cầm máu đạt được sau thời gian 2-3 phút	30
27	Bộ đinh nội tủy đầu trên xương đùi.	Bộ	1. Đinh nội tủy xương đùi. - Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Đường kính tối thiểu trong khoảng từ 9mm-12mm - Đinh chiều dài trong khoảng từ 170mm-240mm. 2. Vít chốt đầu gần (hay vít chốt cổ) - Đường kính 10mm hoặc 10.4mm - Chiều dài trong khoảng từ 70mm-120mm 3. Vít chốt ngang đầu xa: - Đường kính 4.9mm hoặc 5.0mm - Chiều dài trong khoảng từ 26mm-100mm. - Đạt tiêu chuẩn: CE hoặc FDA. - Có trợ cụ hỗ trợ.	220
28	Bộ đinh nội tủy xương đùi dài trái/phải các cỡ	Bộ		

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
28.1	Đỉnh nội tủy xương đùi dài trái/phải các cỡ	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Đỉnh dạng rỗng lòng. - Đường kính đỉnh trong khoảng từ 9.5mm-11mm. - Chiều dài trong khoảng từ 320mm-440mm. - Đầu gần và xa có lỗ bắt vít đường kính trong khoảng từ 4.5mm-6.5mm. - Hấp tiết trùng tại nhà sản xuất. - Đạt tiêu chuẩn: CE hoặc FDA. - Có trợ cụ hỗ trợ.	30
28.2	Vít chốt cổ xương đùi	Cái	- Đường kính 6.4mm hoặc 6.5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 65mm-115mm.	10
28.3	Vít chốt ngang	Cái	- Đường kính 4.5mm hoặc 5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 26mm-100mm	120
29	Bộ DHS	Bộ		
29.1	Nẹp DHS	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Thân có lỗ trong khoảng từ 2 lỗ - 16 lỗ.	50
29.2	Vít DHS	Cái	- Đường kính 12.5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 50mm-120mm.	50
30	Bộ nẹp khóa đầu trên xương đùi trái/phải các cỡ	Bộ		
30.1	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Cái	- Chất liệu titanium. - Thân có lỗ trong khoảng từ 2 lỗ-16 lỗ. - Phân biệt trái, phải. - Đầu nẹp có 2 lỗ vít dùng vít khóa rỗng nòng 7.3 mm. - Thân sử dụng vít khóa 5.0mm hoặc vít thường 4.5mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	75
30.2	Vít khóa rỗng 7.3mm	Cái	- Chất liệu Titanium. - Đường kính 7.3 mm - Chiều dài trong khoảng từ 20mm-120mm.	150
30.3	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	- Chất liệu Titanium. - Đường kính 5.0mm. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm-100mm.	225
31	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái/phải các cỡ	Bộ		
31.1	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Thân có trong khoảng từ 5 lỗ - 15 lỗ. - Phân biệt phải, trái. - Đạt tiêu chuẩn CE. - Xuất xứ G7 hoặc Liên minh Châu Âu (EU)	65
31.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính 5.0mm. - Chiều dài trong khoảng từ 12mm-110mm.	650
32	Bộ nẹp khóa bản rộng	Bộ		
32.1	Nẹp khóa bản rộng	Cái	- Chất liệu thép không gỉ - Thân nẹp có lỗ trong khoảng từ 4 lỗ-20 lỗ. - Thân nẹp dùng vít khóa đường kính 5.0mm và vít xương cứng 4.5mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	20
32.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính 5.0mm. - Chiều dài trong khoảng từ 12mm-100mm.	200

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
33	Nẹp bản rộng	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Thân có lỗ trong khoảng từ 4 lỗ - 18 lỗ, lỗ hình bầu dục không thẳng hàng. - Dừng vít 4.5mm hoặc vít xỏp 6.5mm. - Đạt tiêu chuẩn CE	110
34	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài trái/phải các cở	Bộ		
34.1	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Thân nẹp có lỗ trong khoảng từ 5 lỗ - 11 lỗ sử dụng vít khóa 5.0mm hoặc vít vò 4.5mm. - Xuất xứ G7 hoặc Liên minh Châu Âu (EU)	80
34.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Đường kính 5.0mm, đầu tự taro. - Chiều dài trong khoảng từ 12mm - 110mm.	400
35	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong	Bộ		
35.1	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong	Cái	- Chất liệu titanium. - Có 3 lỗ đầu, thân nẹp có lỗ trong khoảng từ 4 lỗ - 20 lỗ. - Đầu và thân có lỗ sử dụng vít đường kính 3.5mm. - Nước sản xuất G7 hoặc Liên minh Châu Âu (EU)	30
35.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Vít khóa tự taro đường kính 3.5 mm. - Chiều dài trong khoảng từ 10 mm - 95 mm.	300
36	Bộ đinh nội tủy chốt xương chày đa hướng các cở	Bộ		
36.1	Đinh nội tủy chốt xương chày đa hướng	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Đinh đường kính trong khoảng từ 8mm - 11mm. - Chiều dài trong khoảng từ 255mm - 380mm. - Đinh đa hướng. - Có trụ cụ kèm theo.	120
36.2	Vít chốt	Cái	- Vít chốt ngang đường kính 4.5mm hoặc 4.8mm hoặc 4.9mm. - Chiều dài trong khoảng từ 24mm - 100mm.	600
37	Bộ nẹp khóa bản hẹp	Bộ		
37.1	Nẹp khóa bản hẹp	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Số lỗ thân nẹp trong khoảng từ 4-18 lỗ. - Thân nẹp có lỗ dùng vít khóa đường kính 5.0mm và vít xương cứng 4.5mm. - Tiêu chuẩn CE	20
37.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	Chất liệu thép không gỉ, đường kính 5.0mm tự taro, dài trong khoảng từ 12mm - 100mm.	200
38	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong trái/phải các cở	Bộ		
38.1	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong	Cái	-Chất liệu thép không gỉ. - Thân có lỗ trong khoảng từ 4 lỗ -14 lỗ. - Lỗ sử dụng vít khóa 3.5mm hoặc vít vò 3.5mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	90
38.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	Vít khóa tự taro đường kính 3.5mm, chiều dài trong khoảng từ 10-90mm.	900
39	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày trước ngoài trái/phải các cở	Bộ		
39.1	Nẹp khóa đầu dưới xương chày trước bên	Cái	- Chất liệu Titanium. - Đầu 4 lỗ, thân có lỗ trong khoảng từ 5 lỗ - 21 lỗ. - Đạt tiêu chuẩn CE.	30
39.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Chất liệu Titanium. - Vít khóa tự taro, đường kính 3.5mm - Chiều dài trong khoảng từ 10 mm - 95mm	300

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
40	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương mác trái, phải các cỡ	Bộ		
40.1	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Thân nẹp có lỗ trong khoảng từ 3 lỗ -13 lỗ thân, dùng vít khóa 3.5mm hoặc vít vò 3.5mm. - Đạt tiêu chuẩn CE. - Nước sản xuất: G7 hoặc EU.	40
40.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Vít khóa tự taro 3.5 mm, - Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Chiều dài trong khoảng từ 12 - 60 mm, bước tăng 2 mm	300
41	Bộ nẹp khóa xương gót trái/phải các cỡ	Bộ		
41.1	Nẹp khóa xương gót trái/phải các cỡ	Cái	- Nẹp có nhiều lỗ dùng vít khóa 3.5mm hoặc vít xóp 4.0mm. - Phân biệt phải, trái. - Đạt tiêu chuẩn CE.	35
41.2	Vít khóa xóp đường kính 3.5mm	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính 3.5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 50mm, mỗi cỡ tăng 2mm; trong khoảng từ 50mm đến 90mm, mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt tiêu chuẩn CE.	350
42	Nẹp lòng máng	Cái	- Chất liệu làm từ thép không gỉ. - Thân có lỗ trong khoảng từ 2 lỗ đến 12 lỗ, dùng vít thường 3.5 mm.	210
43	Nẹp bàn hẹp	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Dài trong khoảng từ 2 lỗ đến 18 lỗ, lỗ hình bầu dục, dùng vít vò 4.5mm hoặc vít xóp 6.5mm. - Tiêu chuẩn CE	210
44	Nẹp mắt xích (nẹp tái tạo)	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Thân có lỗ trong khoảng từ 5 lỗ đến 20 lỗ dùng vít vò đường kính 3.5mm và vít xóp 4.0mm. - Tiêu chuẩn CE.	520
45	Bộ nẹp khóa xương đòn có móc trái/phải các cỡ	Bộ		
45.1	Nẹp khóa xương đòn có móc trái/phải	Cái	- Chất liệu Titanium. - Thân có lỗ trong khoảng từ 3 lỗ đến 7 lỗ. - Tiêu chuẩn: CE. - Xuất xứ G7 hoặc EU.	125
45.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Chất liệu titanium. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm - 95 mm	750
46	Bộ nẹp khóa xương đòn trái/phải các cỡ	Bộ		
46.1	Nẹp khóa xương đòn trái,phải	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Thân có lỗ trong khoảng từ 6 lỗ - 10 lỗ, dùng vít khóa 3.5mm hoặc vít xương cứng 3.5mm. - Nẹp rộng 10mm, dày 3mm. - Đạt tiêu chuẩn CE. - Có trụ cụ hỗ trợ.	30
46.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Đường kính 3.5mm, đường kính đầu vít 5.0mm. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm-95mm.	240
47	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	Bộ		

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
47.1	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Thân có lỗ trong khoảng từ 3 lỗ - 12 lỗ, dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm. - Đạt tiêu chuẩn CE. - Có trợ cụ hỗ trợ.	65
47.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Đường kính 3.5mm: đường kính đầu vít 5.0mm, đường kính thân vít 3.5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 12mm-60mm.	650
48	Nẹp bản nhỏ	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Thân có lỗ trong khoảng từ 2 lỗ - 16 lỗ dùng vít vó 3.5mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	335
49	Bộ nẹp khóa mỏm khuỷu trái, phải các cỡ	Bộ		
49.1	Nẹp khóa mỏm khuỷu các cỡ	Cái	- Chất liệu Titanium hoặc hợp kim titanium. - Thân có lỗ trong khoảng từ 2 lỗ - 13 lỗ dùng vít khóa 3.5mm hoặc 2.7mm. - Nẹp phân biệt trái/phải, dày 3.0mm/3.3mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	20
49.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Vít khóa tự taro, đường kính 3.5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 95mm.	100
49.3	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. - Đường kính 2.7mm tự taro. - Chiều dài vít từ 10mm đến 60mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	100
50	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay titanium trái, phải các cỡ	Bộ		
50.1	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	Cái	- Chất liệu Titanium hoặc hợp kim titanium. - Thân nẹp có lỗ trong khoảng từ 3lỗ - 8 lỗ. Đầu nẹp có lỗ bắt vít khóa 2.4mm. - Xuất xứ G7 hoặc Liên minh Châu Âu (EU).	250
50.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Vít khóa tự taro 3.5 mm. - Chiều dài trong khoảng từ 12mm - 60 mm, bước tăng 2 mm.	750
50.3	Vít khóa đường kính 2.4mm	Cái	- Vít khóa tự taro 2.4 mm. - Chiều dài vít trong khoảng từ 6mm - 40 mm, bước tăng 2 mm.	1.500
51	Bộ nẹp khóa bản nhỏ	Bộ		
51.1	Nẹp khóa bản nhỏ	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Thân có lỗ trong khoảng từ 4lỗ - 16 lỗ dùng vít khóa đường kính 3.5mm hoặc vít xương cứng 3.5mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	20
51.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Vít khóa đường kính 3.5mm tự taro, đầu vít hình lục giác. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm-90mm.	160
52	Bộ nẹp vít khóa bàn ngón tay các cỡ	Bộ		

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
52.1	Nẹp khóa bàn ngón tay	Cái	Nẹp khóa chữ T, chữ Y, nẹp thẳng. - Chất liệu titanium. - Nẹp dạng chữ T, chữ Y, nẹp thẳng. - Thân nẹp dày 1mm, thân có lỗ trong khoảng từ 4-8 lỗ. Loại chữ T, đầu nẹp có 3 lỗ. - Đạt tiêu chuẩn CE. - Có bộ trợ cụ tương thích.	80
52.2	Vít khóa đường kính 1.5mm	Cái	- Chất liệu titanium - Chiều dài trong khoảng từ 6mm đến 24mm. - Đạt tiêu chuẩn CE. - Có bộ trợ cụ tương thích.	500
53	Đinh steinmann	Cái	- Chất liệu thép không gỉ - Đinh đường kính trong khoảng từ 2.0mm đến 6.0mm. - Chiều dài trong khoảng từ 125mm đến 400mm. - Tiêu chuẩn CE	30
54	Đinh kirschner	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Đinh Kirschner không răng loại 2 đầu nhọn, đường kính trong khoảng từ 0.8mm đến 3.5mm - Tiêu chuẩn CE	4.500
55	Vít xóp 4.0mm	Cái	- Chất liệu thép không gỉ - Chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 30mm với bước tăng 2mm, 30mm đến 75mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn CE.	750
56	Vít xóp 6.5mm	Cái	- Chất liệu thép không gỉ - Vít xóp đường kính 6.5mm chiều dài trong khoảng từ 25mm đến 115mm. - Tiêu chuẩn CE	350
57	Vít xương cứng 3.5mm	Cái	- Chất liệu thép không gỉ - Vít xương cứng đường kính 3.5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 100mm. - Tiêu chuẩn CE.	7.000
58	Vít xương cứng 4.5mm	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Vít xương cứng đường kính 4.5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 16mm đến 100mm. - Tiêu chuẩn CE	2.500
59	Mũi khoan xương các cỡ	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính trong khoảng từ 1.2mm đến 4.5mm. - Chiều dài trong khoảng từ 100mm đến 150mm.	1.000
60	Khung cố định ngoài khung chậu	Bộ	Bộ khung gồm thanh và đinh/pin đường kính 5.0mm	15
61	Khung cố định ngoài gần khớp	Bộ	Gồm khung và 6 đinh Schanz 5.0mm	15
62	Khung cố định ngoài cẳng chân	Bộ	Gồm 2 thanh và 4 đinh Schanz.	45
63	Khung cố định ngoài chữ T	Bộ	Gồm thanh và 5 đinh/pin đường kính 5.0mm.	45
64	Khung cố định ngoài cẳng tay	Bộ	Bộ gồm khung và 4 đinh răng Schanz 3.5mm.	10

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
65	Bộ khớp háng bán phần không dùng xi măng, chuỗi phủ HA các cỡ	Bộ	1. Chuôi khớp: - Chất liệu hợp kim titanium. - Phủ Plasma Hydroxyapatite (HA) - góc cổ chuỗi 135°, côn 12/14. 2. Chôm khớp: - Chất liệu thép không gỉ hoặc chất liệu Cobalt Chrome. - Kích thước chòm trong khoảng từ 22mm đến 28mm 3. Chòm khớp bán phần/lường cực: - Lớp vỏ bên ngoài chất liệu hợp kim thép không gỉ. - Đường kính trong khoảng từ 37mm đến 63mm. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE.	80
66	Khớp háng bán phần Bipolar không xi măng phủ HA	Bộ	1. Chòm khớp bán phần(đầu chòm bipolar): cấu tạo bởi 2 lớp + Bên ngoài được làm bằng thép không gỉ có hàm lượng Nitơ + Bên trong là lớp polyethylene cao phân tử (UHMWPE) + kích thước trong khoảng từ 38mm đến 59mm. 2. Chòm Chòm chất liệu Co-Cr Kích thước trong khoảng từ 22mm đến 28mm. 3. Cuống xương đùi: Chất liệu Titanium alloy TA6V. Kích thước có nhiều cỡ trong khoảng từ 6.25 đến 20 Góc nghiêng 135°, cổ côn 12/14 Tiêu chuẩn CE Xuất xứ: G7 - Các chi tiết đóng gói riêng biệt trùng.	80
67	Khớp háng toàn phần không xi măng phủ HA (CoCr on PE)	Bộ	1. Chuôi khớp - Chất liệu hợp kim Titan, phun phủ HA. - Góc cổ thân 135 độ. 2. Chòm xương đùi - Chất liệu: Cobalt-Chrome - Đường kính trong khoảng từ 22mm đến 36mm. 3. Ổ cối - Chất liệu hợp kim Titan - Kích cỡ trong khoảng từ 38mm đến 82mm. - Trên ổ cối có lỗ để bắt vít ổ cối. 4. Lót ổ cối: - chất liệu vật liệu cao phân tử (UHMWPE) có gờ chống trượt. - Kích cỡ tương ứng với ổ cối. 5. Vít ổ cối: chất liệu hợp kim titanium đường kính trong khoảng từ 6.0mm đến 6.5mm; dài trong khoảng từ 15mm đến 50mm; - Đạt tiêu chuẩn: CE/FDA - Xuất xứ: G7	140
68	Khớp gối toàn phần có xi măng	Bộ	1. Lòai cầu đùi: - Chất liệu Cobalt Chrome hoặc hợp kim Cobalt Chrome - Lòai cầu >= 7 cỡ. 2. Lớp đệm mâm chày: - Có kích cỡ độ dày trong khoảng từ 9mm đến 18mm 3. Mâm chày: - Chất liệu Cobalt Chrome hoặc hợp kim Cobalt Chrome, - Có 8 kích cỡ từ 1 đến 8.	5
69	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo.	Cái	Vít tự tiêu sử dụng trong Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo khớp gối - Chất liệu: Vật liệu sinh học tự tiêu. - Đường kính trong khoảng từ 5mm đến 11mm. - Chiều dài trong khoảng từ 15mm đến 35 mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	110

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
70	Vít neo cố định dây chằng chéo	Cái	Vật liệu: Vít neo bằng titanium. - Đường kính 4,5mm, dài trong khoảng từ 12mm đến 15 mm; 2 sợi chỉ siêu bền. - Có vòng treo có nhiều kích cỡ chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 60mm.	125
71	Vít neo cố định dây chằng chéo có thể điều chỉnh độ dài	Cái	- Thanh treo hoặc nẹp bằng titanium, rộng trong khoảng từ 3mm đến 4mm, dày trong khoảng từ 1.5mm đến 1.8mm, dài trong khoảng từ 11mm đến 14mm. Có sẵn chỉ siêu bền để kéo. - Vòng treo bằng chỉ siêu bền số 5 hoặc số 7. - Đạt tiêu chuẩn CE.	50
72	Vít chỉ neo sụn viền	Cái	- Neo kèm 1 sợi chỉ siêu bền hoặc 2 sợi chỉ siêu bền - Đường kính trong khoảng từ 1.8mm đến 2.6mm - Tiêu chuẩn FDA	50
73	Vít chỉ neo chóp xoay kèm chỉ	Cái	- Vật liệu: Polylactic Acid - Neo kèm 2 sợi chỉ siêu bền. - Đường kính trong khoảng từ khoảng: 4.0mm đến 6.5mm. - Đạt tiêu chuẩn FDA	100
74	Chỉ siêu bền dùng trong nội soi	Vi	- Chất liệu: Polyethylene Cao phân tử (UHMWPE), kim bằng chất liệu thép không rỉ. - Đạt tiêu chuẩn CE.	150
75	Troca sử dụng trong phẫu thuật nội soi khớp	Cái	- Đường kính trong khoảng từ 5.5mm đến 8.4mm - Đạt tiêu chuẩn FDA	50
76	Bộ kit miếng xỏ điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ trung bình (cỡ M)	Bộ	- 01 xỏ dạng tổ ong hoặc dạng lưới cỡ M (cỡ vừa) - 2 hoặc 3 màng bọc vết thương.	150
77	Bộ kit miếng xỏ điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ lớn (cỡ L)	Bộ	- 01 xỏ đen dạng tổ ong hoặc dạng lưới cỡ L. - 3 hoặc 5 màng bọc vết thương.	150
78	Túi chứa dịch thải dùng trong điều trị vết thương bằng phương pháp hút áp lực âm	Túi	Có tối thiểu 2 cỡ là: 300ml, 1000ml.	300
79	Bộ nẹp khóa tái tạo	Bộ		
79.1	Nẹp khóa tái tạo	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim Titanium. - Thân có lỗ trong khoảng từ 4 lỗ đến 22 lỗ tương ứng chiều dài 56mm đến 308mm, dùng vít khóa đường kính 3.5mm - Đạt tiêu chuẩn CE.	40
79.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Chất liệu titanium hoặc hợp kim Titanium. - Vít khóa đường kính 3.5mm chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 95mm.	400
80	Bộ nẹp khóa đầu ngoài xương đòn trái, phải các cỡ	Bộ		
80.1	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn	Cái	- Chất liệu Titanium - Thân nẹp có lỗ trong khoảng từ 3 lỗ đến 8 lỗ, sử dụng vít khóa 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm. - Đầu nẹp có lỗ sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm. - Xuất xứ G7 hoặc Liên minh Châu Âu (EU)	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
80.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Chất liệu titanium. - Vít khóa đường kính 3.5mm, tự taro. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 95 mm.	60
80.3	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	- Vít khóa tự taro 2.7 mm, titanium - Chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 60 mm.	60
81	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay trái/phải mặt lưng có móc	Bộ		
81.1	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay có móc	Cái	- Chất liệu Titanium. - Thân nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm. Đầu nẹp có móc, lỗ sử dụng vít khóa 2.7mm. - Thân nẹp có lỗ trong khoảng từ 3 lỗ đến 14 lỗ. - Đạt tiêu chuẩn CE	40
81.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Vít khóa tự taro đường kính 3.5 mm, chất liệu titanium. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 95 mm	120
81.3	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	- Vít khóa tự taro đường kính 2.7 mm, chất liệu: titanium. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 60 mm.	160
82	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay trái/phải mặt trong	Bộ		
82.1	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong	Cái	- Chất liệu Titanium. - Thân nẹp sử dụng vít khóa đường kính 3.5 mm. Đầu uốn cong, có lỗ bắt vít khóa đường kính 2.7mm. - Thân nẹp có lỗ trong khoảng từ 1 lỗ đến 10 lỗ. - Đạt tiêu chuẩn CE	40
82.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	Cái	- Vít khóa tự taro đường kính 3.5 mm, chất liệu titanium. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 95 mm.	120
82.3	Vít khóa đường kính 2.7mm	Cái	- Vít khóa tự taro đường kính 2.7 mm, chất liệu titanium. - Chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 60 mm.	160
83	Vít xương thuyền	Cái	- Chất liệu thép không gỉ hoặc titanium - Vít xương thuyền rỗng có nhiều đường kính khác nhau trong khoảng từ 2.5mm đến 3.5mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	40
84	Đinh dẻo elastic	Cái	- Vật liệu hợp kim Titanium. - Đường kính trong khoảng từ 1.5mm đến 4.5mm. - Chiều dài đinh trong khoảng từ 300mm đến 500 mm	100
85	Lồng (đệm) dùng cho vít rỗng nòng	Cái	- Chất liệu titanium. - Đường kính trong khoảng từ 4mm đến 10mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	100
86	Xi măng sinh học dùng trong chấn thương	Gói	- 1 gói bột xi măng trong khoảng 40gram đến 44 gram. - 1 ống 20ml dung dịch pha.	30
87	Khung cố định ngoài thân xương dài (khung cố định ngoài 3 thanh)	Bộ	Gồm thanh và 6 đinh Schanz đường kính trong khoảng 4.0mm đến 6.0mm	15
88	Khung cố định ngoài qua gối	Bộ	Gồm 2 thanh và 6 đinh răng Schanz 5.0mm.	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
89	Khớp háng bán phần có xi măng Bipolar	Bộ	1. Chuôi: - Vật liệu: thép không gỉ hoặc CoCr - Góc cổ chuôi 135 độ - Kích cỡ trong khoảng 8 đến 20 2. Ổ cối bán phần/ chòm kép - Vật liệu: bề mặt ngoài bằng thép không gỉ hoặc CoCr - Kích thước trong khoảng 38mm đến 60mm. 3. Đầu xương đùi (chòm): - Vật liệu: thép không gỉ hoặc CoCr. - Đường kính trong khoảng 22mm đến 28mm. 4. Nút chặn. 5. Xi măng.	20
90	Khớp vai bán phần có xi măng	Bộ	1. Chuôi cánh tay có xi măng(Cemented Stems): - Chiều dài 80 mm, đường kính tối thiểu: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20 mm - Vật liệu : Hợp kim titan 2. Đầu cánh tay với vít khóa: - Vật liệu: hợp kim - Có tối thiểu 3 kích cỡ là: Short, Medium, Long 3. Chòm và giá đỡ khóa - Chòm khớp: hợp kim CoCrMo - Có 9 kích cỡ. 4. Xi măng kháng sinh với Gentamicine.	5
91	Vít khâu sụn chêm	Cái	- Chất liệu: PEEK và chỉ siêu bền. - Đạt tiêu chuẩn CE.	50
92	Vít neo PEEK cố định chóp xoay	Cái	- Vật liệu: PEEK (Polyether ether ketone) - Kích thước: Đường kính trong khoảng từ 4.5mm đến 5.5mm. - Là neo không cần thắt chỉ. Chỉ được khóa bên trong neo - Đạt tiêu chuẩn FDA	50
93	Bộ Nẹp khóa đầu dưới xương quay, vít 2.7mm/3.5mm	Bộ		
93.1	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Thân có lỗ trong khoảng từ 3 đến 7 lỗ. - Dùng vít khóa đường kính 2.4mm hoặc 2.7mm và 3.5mm - Đầu nẹp có trong khoảng từ 7 lỗ đến 8 lỗ để bắt vít. - Đạt tiêu chuẩn CE.	150
93.2	Vít khóa	Cái	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính trong khoảng từ 2.4mm đến 2.7mm; chiều dài trong khoảng từ 6mm đến 40mm; - Đạt tiêu chuẩn CE.	1.200
94	Bộ nẹp khóa chữ H ngăn bàn tay	Bộ		
94.1	Nẹp khóa mini bàn tay bắc cầu	Cái	- Chất liệu titanium. - Nẹp dày ≥ 1.0 mm - Đạt tiêu chuẩn CE.	30
94.2	Vít khóa 1,5 mm tự taro	Cái	Vít khóa tự taro đk 1.5mm: - Chất liệu titanium. - Chiều dài trong khoảng từ 6mm đến 24mm. - Đạt tiêu chuẩn CE.	200

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
95	Bộ xóp hút áp lực âm size S	Bộ	- 1 miếng xóp dạng tổ ong hoặc lưới cỡ S (nhỏ) - 1 hoặc 3 miếng phim dán.	150
96	Bình chứa dịch 300ml	Bình	- Kích thước 300ml	150
97	Bộ nẹp vít khóa mâm chày	Bộ		
97.1	Nẹp khóa mâm chày trái, phải các cỡ	Cái	Chất liệu hợp kim titanium. Có lỗ trong khoảng từ 3 lỗ đến 16 lỗ. Lỗ kết hợp dùng vít khóa 5.0mm	30
97.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	Cái	Chất liệu titanium. Vít khóa đường kính 5.0mm trong khoảng từ 14mm đến 110mm	300
98	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi phù plasma	Bộ	1. Chuôi khớp - Chất liệu hợp kim Titanium, phun plasma. - Góc cổ thân 135 độ. - Kích cỡ chuỗi trong khoảng từ 6.25 đến 20 2. Chôm xương đùi - Chất liệu: hợp kim Cobalt-Chrome. - Đường kính trong khoảng từ 22mm đến 36mm 3. Đầu chòm bán phần (Bipolar): - Chất liệu hợp kim Titan hoặc thép. - Kích cỡ trong khoảng từ 38mm đến 60mm. - Đạt tiêu chuẩn CE/FDA. - Xuất xứ: G7	40
99	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi phù plasma	Bộ	1. Chuôi khớp: - Vật liệu titanium. - Kích cỡ trong khoảng từ 6.25 đến 20. - Góc cổ 135 độ. 2. Chòm xương đùi: - Chất liệu hợp kim thép hoặc CoCr. - Đường kính trong khoảng từ 22mm đến 36mm. 3. Ổ cối: - Vật liệu hợp kim Titanium. - Có lỗ để bắt vít. - Kích thước trong khoảng từ 40mm đến 70mm. 4. Lót ổ cối (Liner): - Vật liệu UHMWPE. 5. Vít ổ cối: chiều dài trong khoảng từ 20mm đến 60mm.	40
100	Khớp háng bán phần Bipolar chuỗi dài không xi măng	Bộ	1. Ổ cối bán phần (đầu chòm bipolar): + Kích thước trong khoảng từ 39mm đến 60mm. 2. Chòm Chòm chất liệu Co-Cr hoặc thép không gỉ Kích thước trong khoảng từ 22mm đến 36mm. 3. Cuống xương đùi: + Vật liệu: chất liệu hợp kim Titanium. + Kích thước size: trong khoảng từ 9 đến 22 Xuất xứ: G7	40
101	Lưới vá sàn hốc mắt (miếng vá khuyết xương)	Cái	-Kích thước 100 x120mm -Dây ≤ 0,6mm -Chất liệu titanium -Xuất xứ: nhóm các nước G7 hoặc EU	15
102	Vít lưới vá sàn (vít sọ não)	Cái	-Đường kính: trong khoảng 0,5mm - 0,7mm -Chất liệu titanium -Xuất xứ: nhóm các nước G7 hoặc EU	30
103	Bộ nẹp mini thẳng/ bắc cầu	Bộ		
103.1	Nẹp mini thẳng/ bắc cầu	Cái	- Chất liệu: Titanium - Có tối thiểu 4 lỗ, 5 lỗ, 6 lỗ - Dây: 1.0mm Dùng vít đường kính 2.0mm	1.300

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng kế hoạch trong 24 tháng
103.2	Vít mini các cỡ	Cái	Đường kính 2.0mm- tự Taro; chất liệu hợp kim Titanium	6.000
104	Bộ nẹp mini thẳng 8 lỗ	Bộ		
104.1	Nẹp mini thẳng 8 lỗ	Cái	- Chất liệu: Titanium - Dày: 1.0mm Dùng vít đường kính 2.0mm	100
104.2	Vít mini các cỡ	Cái	Đường kính 2.0mm- tự Taro; chất liệu hợp kim Titanium	800
105	Bộ nẹp mini thẳng 16 lỗ	Bộ		
105.1	Nẹp mini thẳng 16 lỗ	Cái	- Chất liệu: Titanium - Dày: 1.0mm Dùng vít đường kính 2.0mm	50
105.2	Vít mini các cỡ	Cái	Đường kính 2.0mm- tự Taro; chất liệu hợp kim Titanium	800
106	Bộ nẹp mini chữ L; X; Y; Z	Bộ		
106.1	Nẹp mini chữ L; X; Y; Z	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp dạng chữ L; X; Y; Z - Dày: 1.0mm Dùng vít đường kính 2.0mm	80
106.2	Vít mini các cỡ	Cái	Đường kính 2.0mm- tự Taro; chất liệu hợp kim Titanium	500
107	Bộ nẹp mini cong ổ mắt 6 lỗ	Bộ		
107.1	Nẹp mini cong ổ mắt 6 lỗ	Cái	- Chất liệu: Titanium - Nẹp dạng chữ C - Dày: 1.0mm Dùng vít đường kính 2.0mm	50
107.2	Vít mini các cỡ	Cái	Đường kính 2.0mm- tự Taro; chất liệu hợp kim Titanium	500
108	Vít neo chặn đường kính 2.0mm	Cái	- Chiều dài thân vít trong khoảng từ 8mm đến 12mm; chiều dài cổ vít ≥ 5.2 mm. - Chất liệu hợp kim Titanium.	50
109	Chỉ thép phẫu thuật	Cuộn	- Đường kính từ 0.4mm đến 1.0mm - Chiều dài ≥ 5 m	900
Tổng cộng: 109 phần (187 mặt hàng)				

Số lượng trên chưa bao gồm tùy chọn mua thêm

Tùy chọn mua thêm tối đa là: 30% theo số lượng từng mặt hàng

Phụ lục II
MẪU BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo Giấy mời số: /GM-BVĐK ngày tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị)

Công ty:.....
Địa chỉ :.....
Điện thoại :..... ..
Mã số thuế:.....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, chúng tôi Công ty..... báo giá cho các hàng hoá như sau:

TT	STT tại Giấy mời chào giá	Tên hàng hóa mời chào giá	Tên hàng hóa báo giá	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Đặc tính/Thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành/ Số GPNK /Số phiếu tiếp nhận	Chất lượng sản phẩm	Hãng và nước sản xuất	Hãng và nước chủ sở hữu	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) đã gồm VAT	Thành tiền (VNĐ)
1														
2														
3														
Tổng số khoản:.....														

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 150 ngày, kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2025

Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển.

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên)